

Số: *136* /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 29 tháng năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi quản lý của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 104/TTr-LĐTĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi quản lý của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

Điều 2. Giao Văn phòng UBND tỉnh cập nhật thủ tục hành chính vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và niêm yết công khai tại Trung tâm hành chính công; UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm niêm yết công khai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Lao động – Thương binh và Xã hội; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC – VP Chính phủ;
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm hành chính công;
- Lưu: VT, KSTT.

4



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ THUỘC
PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 136 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí (lệ phí)	Căn cứ pháp lý
I. Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
* Lĩnh vực Bảo trợ xã hội					
01	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Tổng thời gian: 35 ngày làm việc. Trong đó: + Trung tâm hành chính công: 0,5 ngày; + Sở Nội vụ: 14,5 ngày làm việc; + UBND tỉnh: 20 ngày làm việc.	Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm hành chính công tỉnh Đắk Nông – Số 01, đường Điều Ong, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
02	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Tổng thời gian: 40 ngày làm việc. Trong đó: + Trung tâm hành chính công 0,5 ngày; + Sở Nội vụ: 14,5 ngày làm việc; + UBND tỉnh: 25 ngày làm việc.	nt	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
03	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Tổng thời gian: 05 ngày làm việc. Trong đó: + Trung tâm hành chính công: 0,5 ngày.	nt	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.



		+ Sở Lao động - TB&XH: 4,5 ngày.			
04	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	- Tổng thời gian: 05 ngày làm việc. Trong đó: + Trung tâm hành chính công: 0,5 ngày; + Sở Lao động - TB&XH: 4,5 ngày.	Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm hành chính công tỉnh Đắk Nông - Số 01, đường Điều Ong, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
05	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	- Tổng thời gian: 15 ngày làm việc. Trong đó: + Trung tâm hành chính công: 0,5 ngày; + Sở Lao động - TB&XH: 14,5 ngày làm việc.	nt	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
06	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Tổng thời gian: 15 ngày làm việc. Trong đó: + Trung tâm hành chính công: 0,5 ngày; + Sở Lao động - TB&XH: 14,5 ngày làm việc.	nt	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
07	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp	Tổng thời gian: 15 ngày làm việc. Trong đó: + Trung tâm hành chính công: 0,5 ngày; + Sở Lao động -	nt	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.

		TB&XH: 14,5 ngày làm việc.			
08	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	Tổng thời gian 32 ngày làm việc. - Tại Hội đồng xét duyệt cấp xã: 15 ngày làm việc; - Tại UBND cấp xã: 07 ngày làm việc; - Tại UBND cấp huyện: 03 ngày làm việc; - Người đứng đầu cơ sở BTXH: 07 ngày làm việc.	UBND cấp xã; UBND cấp huyện; Cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
09	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	10 ngày làm việc	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
10	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	Theo thỏa thuận	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
11	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	Không quy định	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
* Lĩnh vực An toàn lao động					
01	Khai báo đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	Tổng thời gian: 05 ngày làm việc. Trong đó: + Trung tâm hành chính công: 0,5 ngày; + Sở Lao động – TB&XH: 4,5 ngày làm việc.	Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm hành chính công tỉnh Đắk Nông – Số 01, đường Điều Ong, phường Nghĩa	Không quy định	- Căn cứ Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015; - Căn cứ Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

			Trung, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông		- Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.
II. Thủ tục hành chính cấp huyện					
01	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	Tổng thời gian: 35 ngày làm việc	Phòng Nội vụ; UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
02	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	Tổng thời gian: 40 ngày làm việc	Phòng Nội vụ; UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
03	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Tổng thời gian: 05 ngày làm việc	Phòng Lao động -Thương binh và Xã hội	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
04	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Tổng thời gian: 05 ngày làm việc	Phòng Lao động -Thương binh và Xã hội	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
05	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Tổng thời gian: 15 ngày làm việc	Phòng Lao động -Thương binh và Xã hội	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
06	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Tổng thời gian: 15 ngày làm việc	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
07	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do phòng Lao	Tổng thời gian: 15 ngày làm việc	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính

	dộng - Thương binh và Xã hội cấp				phủ.
08	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Tổng thời gian: 32 ngày làm việc. Trong đó: - Tại Hội đồng xét duyệt cấp xã: 15 ngày làm việc; - Tại UBND cấp xã: 07 ngày làm việc; - Tại UBND cấp huyện: 03 ngày làm việc; - Người đứng đầu cơ sở BTXH: 07 ngày làm việc;	UBND cấp xã; UBND cấp huyện; Cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
9	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Không quy định	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
10	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Không quy định	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
11	Dừng trợ giúp tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	07 ngày làm việc	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
III. Thủ tục hành chính cấp xã					
01	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	10 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
Tổng: 24 TTHC (cấp tỉnh: 12 TT. Cấp huyện: 11 TT, cấp xã: 1 TT)					

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÀI BỎ

TT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ bãi bỏ	Lĩnh vực
----	------------------------	---------------	----------

I. Thủ tục hành chính cấp tỉnh			
01	Cấp giấy phép hoạt động cơ sở chăm sóc người khuyết tật, cơ sở chăm sóc người cao tuổi đối với cơ sở thuộc cấp tỉnh quản lý	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ	Bảo trợ xã hội
02	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép cơ sở chăm sóc người khuyết tật, cơ sở chăm sóc người cao tuổi do cấp tỉnh quản lý	nt	nt
03	Thành lập cơ sở bảo trợ xã hội công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	nt	nt
04	Thành lập cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	nt	nt
05	Giải thể cơ sở bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền thành lập của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	nt	nt
06	Thay đổi tên, trụ sở, giám đốc, quy chế hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền thành lập của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	nt	nt
II. Thủ tục hành chính cấp huyện			
01	Tiếp nhận đối tượng Bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ	Bảo trợ xã hội
02	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội	nt	nt
03	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội	nt	nt
04	Cấp giấy phép hoạt động cơ sở chăm sóc người khuyết tật, người cao tuổi thuộc trách nhiệm quản lý cấp huyện	nt	nt
05	Cấp lại giấy phép chăm sóc người khuyết tật, người cao tuổi thuộc trách nhiệm quản lý cấp huyện	nt	nt
06	Thành lập cơ sở bảo trợ xã hội công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện	nt	nt
07	Thành lập cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện	nt	nt
08	Giải thể cơ sở bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền quyết	nt	nt

	định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện		
09	Thay đổi tên, trụ sở, giám đốc, quy chế hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền thành lập của Ủy ban nhân dân cấp huyện	nt	nt
10	Thành lập Trung tâm công tác xã hội công lập	nt	nt
11	Giải thể Trung tâm công tác xã hội công lập	nt	nt
12	Thay đổi tên gọi, trụ sở làm việc của Trung tâm công tác xã hội công lập	nt	nt
Tổng: 18 TTHC			